



BẢN TIN
KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, THUẾ &
TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP
Phát hành định kỳ hàng tháng

VĂN PHÒNG HÀ NỘI

Số 2, Ngách 26/15 Đường Huy Du, Phường Cầu
Điễn, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
ĐT: 024 35568636 * Website : acacvn.com

VĂN PHÒNG HẢI PHÒNG

Số 16, Lô VP-05, Khu đô thị Việt Phát, Phường Vĩnh Niệm,
Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
ĐT: 0225 3736866 * Email : acacvn@acacvn.com



Mã QR



Nội dung	Trang
THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (“GTGT”)	3-4
THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)	5-6
THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (“TNCN”)	0
CÁC LOẠI THUẾ KHÁC	7
CÁC VẤN ĐỀ KHÁC	8-12
CÁC VĂN BẢN KHÁC	13

THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT)

Hoàn thuế GTGT

Theo Công văn số 2099/TCT-KK ngày 26/5/2023 của BTC triển khai chỉ đạo của TTCP, Bộ Tài chính về hoàn thuế GTGT Trong thời gian vừa qua, Tổng cục Thuế đã triển khai hoàn thuế điện tử đạt 99% với gần 80% số hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng (GTGT) thuộc diện hoàn thuế trước, kiểm tra sau được cơ quan thuế giải quyết hoàn nhanh chóng trong vòng 6 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị hoàn của người nộp thuế (NNT). Việc giải quyết hồ sơ hoàn thuế nhanh chóng, kịp thời theo đúng quy định của Luật Quản lý thuế đã tạo điều kiện giúp doanh nghiệp quay vòng vốn nhanh, nâng cao hiệu quả trong sử dụng vốn, góp phần phát triển sản xuất kinh doanh, xuất khẩu hàng hóa. Tuy nhiên vẫn còn tình trạng chậm, muộn trong việc giải quyết hồ sơ hoàn thuế GTGT của NNT gây bức xúc dư luận.

Tổng cục Thuế yêu cầu các đồng chí Cục trưởng Cục Thuế khẩn trương thực hiện ngay, không chậm trễ một số công việc sau đây (trích dẫn một số nội dung chính):

(1) Đồng chí Cục trưởng chịu trách nhiệm toàn diện về công tác quản lý hoàn thuế GTGT trên địa bàn, chỉ đạo tổ chức thực hiện hoàn thuế đúng thẩm quyền, đúng pháp luật quy định, không để tồn đọng kéo dài, gây bức xúc cho người dân và doanh nghiệp; có trách nhiệm bố trí đầy đủ nguồn lực, đôn đốc các đơn vị trực thuộc khẩn trương hoàn thành việc kiểm tra hoàn thuế đối với các hồ sơ đề nghị hoàn thuế đã tiếp nhận từ NNT và được phân loại thuộc diện kiểm tra trước, hoàn thuế sau, đảm bảo giải quyết hồ sơ hoàn thuế của NNT đúng thời hạn quy định, 2 đúng đối tượng và trường hợp được hoàn thuế theo quy định của pháp luật thuế và pháp luật quản lý thuế.

(2) Đối với các hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT đã kiểm tra, xác minh số thuế đủ điều kiện hoàn thì khẩn trương ban hành quyết định hoàn thuế cho doanh nghiệp, đảm bảo đúng thời hạn quy định. Đối với các hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT đang kiểm tra, xác minh số thuế đủ điều kiện hoàn thì phải thông báo cho NNT về tiến độ giải quyết hồ sơ, dự kiến thời gian sẽ giải quyết hoàn thuế cho người nộp thuế đảm bảo công khai, minh bạch. Đối với số thuế đã có kết quả kiểm tra, xác minh thì khẩn trương giải quyết hoàn thuế cho NNT theo quy định tại Điều 34 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính, không chờ xác minh toàn bộ mới giải quyết hoàn thuế cho NNT. ...

(4) Đối với các hồ sơ hoàn thuế GTGT đang có vướng mắc, phản ánh của các Hiệp hội, doanh nghiệp: tổ chức đối thoại ngay với Hiệp hội, doanh nghiệp trong thời gian từ ngày 29/5/2023 đến ngày 2/6/2023 để làm rõ vướng mắc, tổng hợp báo cáo kết quả về Tổng cục Thuế; chủ động xử lý, giải quyết các vướng mắc trong thẩm quyền của Cục Thuế, trường hợp vướng mắc vượt quá thẩm quyền xử lý của Cục Thuế thì báo cáo Tổng cục Thuế để được kịp thời hướng dẫn xử lý. ...

(7) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra sau hoàn đối với quyết định hoàn thuế thuộc diện hoàn thuế trước, kiểm tra sau nhằm kịp thời phát hiện việc sử dụng hóa đơn không hợp

pháp hoặc sử dụng không hợp pháp hóa đơn, trục lợi trong hoàn thuế nhằm chiếm đoạt ngân sách nhà nước, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Hướng dẫn lập hóa đơn giảm 2% thuế GTGT theo Nghị định 15/2022/NĐ-CP

Ngày 29/5/2023, Tổng cục Thuế có Công văn 2121/TCT-CS hướng dẫn một số trường hợp về lập hóa đơn giảm 2% thuế GTGT theo Nghị định 15/2022/NĐ-CP .

Theo đó, Tổng cục Thuế hướng dẫn về lập hóa đơn trong một số trường hợp như sau:

- Trường hợp hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng được giảm thuế GTGT theo Nghị định 15/2022/NĐ-CP , sau ngày 31/12/2022 phát hiện có sai sót phải lập hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế:

+ Nếu không ảnh hưởng tới tiền hàng và thuế GTGT phải nộp hoặc điều chỉnh giá tính thuế thì hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế áp dụng thuế suất thuế GTGT 8%;

+ Nếu sai sót về số lượng hàng hóa dẫn đến sai sót về tiền hàng và thuế GTGT thì hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế áp dụng thuế suất thuế GTGT theo quy định tại thời điểm lập hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế.

- Trường hợp hàng hóa đã mua trước 01/01/2023 với thuế suất 8%, sau ngày 31/12/2022 người mua trả lại hàng hóa do không đúng quy cách, chất lượng thì người bán lập hóa đơn hoàn trả hàng hóa để điều chỉnh giảm hoặc thay thế hóa đơn đã lập với thuế suất thuế GTGT 8%, người bán và người mua có thỏa thuận ghi rõ hàng bán trả lại.

- Trường hợp cơ sở kinh doanh áp dụng hình thức chiết khấu thương mại dành cho khách hàng và đối với các khoản chiết khấu thương mại của hàng hóa được giảm thuế GTGT với thuế suất 8% đã bán trong năm 2022 nhưng từ 01/01/2023 mới xuất hóa đơn thể hiện nội dung chiết khấu thương mại thì:

+ Nếu số tiền chiết khấu được lập vào lần mua cuối cùng hoặc kỳ tiếp theo sau ngày 31/12/2022 thì số tiền chiết khấu của hàng hóa đã bán được tính điều chỉnh ở nội dung giá tính thuế, thuế suất thực hiện theo pháp luật hiện hành tại thời điểm lập hóa đơn.

+ Nếu số tiền chiết khấu được lập khi kết thúc chương trình (kỳ) chiết khấu sau ngày 31/12/2022 thì người bán lập hóa đơn điều chỉnh và áp dụng thuế suất thuế GTGT 8% tại thời điểm bán hàng.

- Trường hợp doanh thu phát sinh từ ngày 01/02/2022 đến ngày 31/12/2022 của cơ sở kinh doanh bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ (thuộc đối tượng giảm thuế GTGT theo Nghị định 15/2022/NĐ-CP) và hoạt động xây dựng, lắp đặt có thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền nhưng sau ngày 31/12/2022 mới lập hóa đơn đối với doanh thu thì:

+ Thuộc trường hợp lập hóa đơn không đúng thời điểm, được áp dụng giảm thuế GTGT theo Nghị định 15/2022/NĐ-CP ;

+ Bị xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi lập hóa đơn không đúng thời điểm.

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)**Chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp**

Theo Công văn số 2106/TCT-CS ngày 29/5/2023 về chính sách ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp dự án đầu tư mở rộng của Công ty A đã lựa chọn áp dụng thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng mang lại bằng với thời gian miễn thuế, giảm thuế áp dụng đối với dự án đầu tư mới trên cùng địa bàn (không được hưởng thuế suất ưu đãi), năm 2021 đáp ứng điều kiện về công nghiệp hỗ trợ thì dự án đầu tư mở rộng tiếp tục được hưởng ưu đãi về thời gian miễn thuế, giảm thuế theo điều kiện công nghiệp hỗ trợ cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy xác nhận ưu đãi sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

Tổ chức triển khai Nghị định số 12/2023/NĐ-CP

Theo Công văn 2176/TCT-KK ngày 1/6/2023 về tổ chức triển khai Nghị định số 12/2023/NĐ-CP gửi Cục Thuế các tỉnh, TP trực thuộc TƯ và Cục Thuế Doanh nghiệp lớn. Một số chính sách về miễn, giảm thuế đang trong thời gian thực hiện như: Chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022; Thông tư số 59/2022/TT-BTC ngày 29/9/2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ khó khăn cho hoạt động kinh doanh vận tải 03 tháng cuối năm 2022.

Tiếp tục tinh thần đó, ngày 14/04/2023 vừa qua, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 12/2023/NĐ-CP về gia hạn thời hạn nộp thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN và tiền thuê đất trong năm 2023.

(1) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị định số 12/2023/NĐ-CP:

+ Thuế GTGT: Thuế GTGT phải nộp phát sinh (bao gồm cả số thuế phân bổ cho các địa phương cấp tỉnh khác nơi người nộp thuế có trụ sở chính, số thuế nộp theo từng lần phát sinh) của kỳ tính thuế từ tháng 3 đến tháng 8 năm 2023 (đối với trường hợp kê khai thuế GTGT theo tháng) và kỳ tính thuế quý I, quý II năm 2023 (đối với trường hợp kê khai thuế GTGT theo quý) của các DN, tổ chức nêu tại Điều 3 NĐ số 12/2023/NĐ-CP. Thời gian gia hạn là 06 tháng đối với số thuế GTGT từ tháng 3 đến tháng 5/ 2023 và quý I năm 2023, thời gian gia hạn là 05 tháng đối với số thuế GTGT của tháng 6 năm 2023 và quý II năm 2023, thời gian gia hạn là 04 tháng đối với số thuế GTGT của tháng 7 năm 2023, thời gian gia hạn là 03 tháng đối với số thuế GTGT của tháng 8 năm 2023. Thời gian gia hạn được tính từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế GTGT theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

+ Thuế TNDN: Thuế TNDN tạm nộp của quý I, quý II kỳ tính thuế TNDN năm 2023 được gia hạn 03 tháng, kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp thuế TNDN theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Trường hợp DN, tổ chức nêu tại Điều 3 NĐ số 12/2023/NĐ-CP có các chi nhánh, đơn vị trực thuộc thực hiện khai thuế TNDN riêng với CQ thuế quản lý trực tiếp của chi nhánh, đơn vị trực thuộc thì các chi nhánh, đơn vị trực thuộc cũng thuộc đối tượng được

gia hạn nộp thuế TNDN. Trường hợp chi nhánh, đơn vị trực thuộc của DN, tổ chức nêu tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 3 Nghị định số 12/2023/NĐ-CP không có hoạt động SX-KD thuộc ngành kinh tế, lĩnh vực được gia hạn thì chi nhánh, đơn vị trực thuộc không thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế TNDN.

+ Tiền thuê đất phải nộp: Gia hạn thời hạn nộp tiền thuê đất đối với 50% số tiền thuê đất phát sinh phải nộp năm 2023 của doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng quy định tại Điều 3 Nghị định số 12/2023/NĐ-CP đang được Nhà nước cho thuê đất trực tiếp theo Quyết định hoặc Hợp đồng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức trả tiền thuê đất hàng năm. Thời gian gia hạn là 06 tháng kể từ ngày 31/5/2023 đến ngày 30/11/2023...

+ Trình tự, thủ tục gia hạn: quý HV xem chi tiết tại công văn

(2) Hướng dẫn người nộp thuế gửi Giấy đề nghị gia hạn

Tổng cục Thuế nâng cấp các ứng dụng: TMS phiên bản 6.14, HTKK phiên bản 5.0.6, eTax phiên bản 2.6.1, iCanhan phiên bản 3.5.8 để hỗ trợ người nộp thuế lập và gửi Giấy đề nghị gia hạn nộp thuế, nộp tiền thuê đất năm 2023 bằng phương thức điện tử.

(3) Tiếp nhận và cập nhật thông tin trên Giấy đề nghị gia hạn của người nộp thuế (chi tiết quý HV xem tại công văn)

(4) Xử lý đề nghị gia hạn của người nộp thuế gồm (i) Xử lý đề nghị gia hạn trên Hệ thống TMS và (ii) Xử lý điều chỉnh tiền chậm nộp cơ quan thuế đã tính (chi tiết quý HV xem tại công văn)

CÁC LOẠI THUẾ KHÁC

Thu lệ phí trước bạ đất đối với việc đăng ký biến động của DN

Theo **Công văn 2132/TCT-CS** ngày 30/5/2023 về vướng mắc thu lệ phí trước bạ đất đối với việc đăng ký biến động của DN không đổi tên nhưng thay đổi toàn bộ thành viên góp vốn Theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP thì nhà, đất thuộc đối tượng chịu lệ phí trước bạ; tổ chức, cá nhân có tài sản thuộc đối tượng chịu lệ phí trước bạ phải nộp lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trừ các trường hợp thuộc diện miễn lệ phí trước bạ.

Căn cứ các quy định nêu trên thì tại Điều 10 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP và điểm a khoản 1 Điều 35 Luật Doanh nghiệp đã quy định các trường hợp được miễn lệ phí trước bạ, trong đó không quy định miễn lệ phí trước bạ đối với trường hợp tài sản của doanh nghiệp đã nộp lệ phí trước bạ nay doanh nghiệp thay đổi toàn bộ thành viên góp vốn hay thay đổi chủ sở hữu.

Theo hồ sơ gửi kèm công văn số 9325/CTBTH-HKDCN của Cục Thuế tỉnh Bình Thuận thì chưa rõ trường hợp của Doanh nghiệp có phải thực hiện đăng ký lại quyền sở hữu, quyền sử dụng với cơ quan nhà nước có thẩm quyền hay không. Do đó, Cục Thuế tỉnh Bình Thuận trao đổi với cơ quan tài nguyên môi trường, căn cứ hồ sơ thực tế để xác định rõ đối tượng và trường hợp nộp lệ phí trước bạ theo quy định tại Nghị định số 10/2022/NĐ-CP.

Thanh toán tiền hàng xuất khẩu bằng đồng tiền Việt Nam

Theo **Công văn số 2737/TCHQ-TXNK** ngày 2/6/2023 của TCHQ, trị giá hải quan của hàng hóa xuất khẩu là giá bán đến cửa khẩu xuất khẩu trên cơ sở giá bán ghi trên hợp đồng mua bán, hoặc hóa đơn thương mại và các chi phí liên quan đến hàng hóa xuất khẩu phù hợp với các chứng từ liên quan nếu các khoản chi phí này chưa bao gồm trong giá bán của hàng hóa, không bao gồm chi phí vận tải quốc tế và chi phí bảo hiểm quốc tế (nếu có);

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 41 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính thì thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu được nộp bằng đồng tiền Việt Nam. Trường hợp nộp thuế bằng ngoại tệ thì người nộp thuế phải nộp bằng loại ngoại tệ tự do chuyển đổi theo quy định. Tỷ giá quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Thông tư này.

Căn cứ hướng dẫn khai báo tại điểm 2.39 “Trị giá hóa đơn” tại Phụ lục II Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015, được thay thế tại Phụ lục I Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính thì khi khai trị giá hóa đơn, người khai nhập mã đơn vị tiền tệ của hóa đơn theo chuẩn UN/LOCODE.

Như vậy, đối với trường hợp của Công ty A, nếu đối tác nước ngoài thống nhất đồng tiền thanh toán là đồng Việt Nam, được thể hiện trên hợp đồng, hóa đơn thương mại thì Công ty thực hiện mở tờ khai và khai báo mã đồng tiền của hóa đơn là Việt Nam đồng. Công ty căn cứ vào thực tế hồ sơ và hàng hóa xuất khẩu để thực hiện khai báo theo đúng quy định.

VẤN ĐỀ KHÁC**Lập hóa đơn thực hiện Nghị định số 15/2022/NĐ-CP**

Theo **Công văn số 2121/TCT-CS** ngày 29/5/2023 lập hóa đơn thực hiện Nghị định số 15/2022/NĐ-CP gửi Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Cục Thuế Doanh nghiệp lớn.

(1) Về thời điểm lập hóa đơn đặc thù Ngày 23/3/2022, Bộ Tài chính có công văn số 2688/BTC-TCT hướng dẫn Cục Thuế các tỉnh, thành phố về thuế GTGT tại Nghị định số 15/2022/NĐ-CP, trong đó có hướng dẫn về thời điểm lập hóa đơn. Ngày 22/9/2022, Tổng cục Thuế có công văn số 3522/TCT-CS trả lời Cục Thuế TP Hồ Chí Minh và gửi Cục Thuế các tỉnh, thành phố, trong đó có hướng dẫn về giảm thuế GTGT đối với trường hợp thời điểm lập hóa đơn đặc thù.

(2) Về lập hóa đơn trong một số trường hợp:

- Trường hợp hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng được giảm thuế GTGT theo Nghị định 15/2022/NĐ-CP, sau ngày 31/12/2022 phát hiện có sai sót phải lập hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế mà không ảnh hưởng tới tiền hàng và thuế GTGT phải nộp hoặc điều chỉnh giá tính thuế thì hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế áp dụng thuế suất thuế GTGT 8%;

Trường hợp sai sót về số lượng hàng hóa dẫn đến sai sót về tiền hàng và thuế GTGT thì hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế áp dụng thuế suất thuế GTGT theo quy định tại thời điểm lập hóa đơn điều chỉnh hoặc thay thế.

- Trường hợp hàng hóa đã mua trước 01/01/2023 với thuế suất 8%, sau ngày 31/12/2022 người mua trả lại hàng hóa do không đúng quy cách, chất lượng, thì người bán lập hóa đơn hoàn trả hàng hóa để điều chỉnh giảm hoặc thay thế hóa đơn đã lập với thuế suất thuế GTGT 8%, người bán và người mua có thỏa thuận ghi rõ hàng bán trả lại.

- Trường hợp cơ sở kinh doanh áp dụng hình thức chiết khấu thương mại dành cho khách hàng và đối với các khoản chiết khấu thương mại của hàng hóa được giảm thuế GTGT với thuế suất 8% đã bán trong năm 2022 nhưng từ 01/01/2023 mới xuất hóa đơn thể hiện nội dung chiết khấu thương mại.

Chuyển đổi sử dụng mã số định danh làm mã số thuế

Ngày 30/5/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành **Chỉ thị 18/CT-TTg** về đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ phát triển thương mại điện tử, chống thất thu thuế, bảo đảm an ninh tiền tệ.

Hoàn thành chuyển đổi sử dụng mã số định danh làm mã số thuế trước tháng 10/2023

Đây là một trong những nhiệm vụ phối hợp với Bộ Tài chính mà Thủ tướng Chính phủ đã chỉ thị, yêu cầu một số nội dung đối với Bộ Công an.

Cụ thể như sau:

Bộ Công an phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng kế hoạch chi tiết về việc kết nối, chia sẻ dữ liệu đối với:

- Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để thực hiện chuyển đổi sử dụng mã định danh cá nhân làm mã số thuế;
- Tổ chức, cá nhân trong nước có hợp tác với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh dịch vụ viễn thông, quảng cáo trên không gian mạng;
- Các cá nhân có thu nhập từ quảng cáo do cung cấp sản phẩm, dịch vụ nội dung thông tin số trên các nền tảng chia sẻ video xuyên biên giới trên không gian mạng.

Trong đó, thời hạn hoàn thành chậm nhất trong quý 3 năm 2023.

Nhiệm vụ phối hợp với các bộ, ngành của Bộ Công an

Theo tiểu mục c Mục 5 Chỉ thị 18/CT-TTg năm 2023, Bộ Công an có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành thực hiện các công việc sau:

- Đẩy nhanh tiến độ kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin của các bộ, ngành, địa phương.
- Tích hợp sử dụng tài khoản định danh điện tử để kê khai, đăng ký nộp thuế trên ứng dụng định danh điện tử VNeID và các nền tảng khác.
- Nghiên cứu phát triển hoặc tích hợp ứng dụng cổng thanh toán, ví điện tử, các tiện ích khác trên ứng dụng VNeID.
- Phối hợp với Bộ Công Thương ứng dụng thẻ CCCD gắn chip, định danh và xác thực điện tử để xác thực chủ thẻ tham gia giao kết hợp đồng điện tử trên Trục phát triển hợp đồng điện tử Việt Nam.
- Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông ứng dụng thẻ CCCD gắn chip, định danh và xác thực điện tử để xác thực chủ thẻ đăng ký cấp chứng thư số thuê bao viễn thông, di động.
- Hướng dẫn, thúc đẩy doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thương mại điện tử.

Thời hạn hoàn thành chậm nhất trong năm 2025.

Tổng cục Thuế công bố danh sách 524 doanh nghiệp rủi ro về hóa đơn

Ngày 16/5/2023, Tổng Cục thuế ban hành Công văn 1798/TCT-TTKT về rà soát, xử lý hóa đơn không hợp pháp, trong đó công bố danh sách 524 doanh nghiệp rủi ro về hóa đơn.

Tổng cục Thuế công bố danh sách 524 doanh nghiệp rủi ro về hóa đơn

Theo đó, tại Phụ lục 1 đính kèm Công văn 1798/TCT-TTKT, Tổng cục Thuế công bố danh sách 524 doanh nghiệp có rủi ro hóa đơn.

Tổng cục Thuế yêu cầu các Cục Thuế tập trung vào việc rà soát, xử lý vi phạm đối với các hóa đơn xuất bán ra của 524 doanh nghiệp này.

- Trường hợp phát hiện doanh nghiệp thuộc cơ quan thuế quản lý đã sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp thuộc một trong số 524 doanh nghiệp thì yêu cầu doanh nghiệp phải giải trình làm rõ việc sử dụng hóa đơn để tính vào chi phí tính thuế TNDN, khấu trừ thuế GTGT/hoàn thuế GTGT, hợp thức hàng hóa mua trôi nổi, buôn lậu.

Đề nghị Cục Thuế căn cứ vào hành vi vi phạm thực tế và quy định tại các văn bản pháp luật để kịp thời xử lý về thuế theo đúng quy định hoặc củng cố hồ sơ và chuyển cơ quan Công an đề nghị xử lý theo quy định.

- Cục Thuế trực tiếp quản lý thuế đối với các doanh nghiệp thuộc danh sách 524 doanh nghiệp tiến hành rà soát;

Trường hợp phát hiện doanh nghiệp có xuất hóa đơn bán ra cho doanh nghiệp ở địa phương khác đã phát hành trong các năm 2020, 2021, 2022, không có trong dữ liệu hóa đơn điện tử của Tổng cục Thuế thì cần kịp thời có văn bản thông báo gửi đến cơ quan thuế liên quan đồng thời tiến hành nhập thông tin lên ứng dụng xác minh hóa đơn để phối hợp, đối chiếu, rà soát và xử lý theo quy định.

Ban hành kèm theo Công văn 1798/TCT-TTKT còn có:

+ Phụ lục số 2. Bảng kê hóa đơn sử dụng của 524 doanh nghiệp đã kê khai thuế GTGT, thuế TNDN.

+ Phụ lục số 3: Bảng tổng hợp kết quả rà soát, xử lý về thuế đối với việc sử dụng hóa đơn của 524 doanh nghiệp.

Xử lý nợ theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội và Thông tư số 69/2020/TT-BTC ngày 20/7/2020 của Bộ Tài chính

Theo Công văn số 2136/TCT-QLN ngày 30/5/2023 của TCT, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

1. Về xử lý nợ đối với trường hợp người nộp thuế bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- Theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14 thì đối tượng được xử lý nợ là người nộp thuế (NNT) bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (ĐKDN) theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế trước ngày 01/7/2020. Hồ sơ xử lý nợ đối với trường hợp này đã được quy định cụ thể tại Điều 12 Thông tư số 69/2020/TT-BTC.

- Trường hợp cơ quan quản lý thuế có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận ĐKDN trước ngày 01/7/2020, cơ quan có thẩm quyền đã ban hành Quyết định thu hồi sau ngày 30/6/2020: Cục Thuế căn cứ hồ sơ cụ thể để xem xét xử lý nợ theo hướng dẫn tại điểm 2 Công văn số 622/TCT-QLN ngày 21/3/2021 của Tổng cục Thuế (bản photocopy kèm theo).

- Trường hợp NNT vi phạm quy định của chính sách, pháp luật dẫn đến bị cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận ĐKDN (không phải trường hợp bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận ĐKDN theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế) thì không thuộc trường hợp được xử lý nợ theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14.

- Người nộp thuế thuộc đối tượng được xử lý nợ theo quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14 thì hồ sơ xử lý nợ thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 11 hoặc Điều 12 Thông tư số 69/2020/TT-BTC. Trường hợp tài liệu có trong hồ sơ không đủ điều kiện sao y thì gửi kèm hồ sơ gốc, được người có thẩm quyền trực tiếp đề xuất ký, duyệt trên văn bản, tài liệu giấy.

2. Về xử lý nợ đối với trường hợp NNT có quyết định giải thể

Trường hợp NNT đã có quyết định giải thể gửi cơ quan quản lý thuế nhưng cơ quan đăng ký kinh doanh chưa thông báo NNT đang làm thủ tục giải thể trên hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì không thuộc đối tượng được xử lý nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14.

3. Về xử lý nợ đối với trường hợp NNT không còn hoạt động tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký

- Đối với trường hợp NNT không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký, cơ quan quản lý thuế đã phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã xác minh thông tin NNT không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký trước ngày 01/7/2020 và xác định NNT không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước thì xem xét xử lý nợ theo trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14 (pháp luật về đăng ký doanh nghiệp đã có quy định cụ thể về địa chỉ đăng ký kinh doanh).

- Trường hợp người nộp thuế thuộc đối tượng được xử lý nợ theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14 thì Cục Thuế lập đầy đủ hồ sơ theo hướng dẫn tại Điều 10 Thông tư số 69/2020/TT-BTC; trong đó Biên bản xác minh tình trạng hoạt động của NNT phải phù hợp với quy định, hướng dẫn tại từng thời kỳ.

4. Về trường hợp thông tin định danh của NNT chưa đầy đủ

Đối với các quyết định khoan nợ, xóa nợ cho nhiều NNT: sau khi rà soát, đối chiếu với các bộ phận, cơ quan có liên quan mà không xác định được đầy đủ thông tin về giấy tờ cá nhân của NNT thì nội dung này có thể để trống theo hướng dẫn tải các mẫu quyết định ban hành kèm theo Thông tư số 69/2020/TT-BTC ngày 20/7/2020 của Bộ Tài chính.

5. Về xử lý nợ đối với trường hợp NNT không còn hoạt động tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký trước ngày 01/7/2020 nhưng hồ sơ chưa đầy đủ

Đối với trường hợp NNT không còn hoạt động tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký trước ngày 01/7/2020 và cơ quan thuế đã theo dõi, phân loại vào nhóm nợ của NNT không còn hoạt động tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký trước ngày 01/7/2020 nhưng hồ sơ lưu tại cơ quan thuế không đầy đủ, bị thất lạc: cơ quan thuế phối hợp với UBND xã, phường, thị trấn lập Biên bản xác minh tình trạng hoạt động của NNT và ban hành thông báo NNT không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đã đăng ký để hoàn thiện hồ sơ xử lý khoan nợ theo quy định của Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14.

(Nội dung hướng dẫn tại điểm này thay thế điểm 1 Công văn số 622/TCT-QLN ngày 11/3/2021 và điểm 4.d Công văn số 681/TCT-QLN ngày 13/3/2023 của Tổng cục Thuế).

6. Trường hợp chưa cập nhật kịp thời trạng thái NNT trên Hệ thống ứng dụng quản lý thuế tập trung (TMS)

Trường hợp trên hệ thống TMS chưa phản ánh đúng trạng thái của NNT thì Cục Thuế có trách nhiệm thực hiện rà soát để cập nhật, đảm bảo khớp đúng giữa hồ sơ đang lưu trữ và dữ liệu trên hệ thống TMS. Trên cơ sở đó, cơ quan thuế lập đầy đủ hồ sơ xử lý nợ theo đúng đối tượng được xử lý nợ và xem xét xử lý theo đúng thẩm quyền quy định.

7. Về thẩm quyền quyết định khoan nợ

Tại điểm 5 Điều 3 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính đã giải thích cụ thể về “*cơ quan thuế quản lý trực tiếp*”;

Tại điểm d khoản 1 Điều 15 Thông tư số 69/2020/TT-BTC quy định: “*Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế nơi người nộp thuế nợ tiền thuế ký ban hành Quyết định khoan nợ*”.

Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa căn cứ các quy định nêu trên và hồ sơ cụ thể của NNT để xem xét, xử lý khoan nợ theo đúng quy định.

8. Trường hợp NNT phát sinh nghĩa vụ thuế sau ngày 30/6/2020:

Nghị quyết số 94/2019/QH14 quy định việc xử lý khoan nợ, xóa nợ đối với các khoản nợ phát sinh trước thời điểm 01/7/2020 của NNT không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước. Các khoản nợ phát sinh từ ngày 01/7/2020 trở đi thì xem xét xử lý theo Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14. Cục Thuế căn cứ hồ sơ cụ thể của NNT để xem xét xử lý nợ theo đúng đối tượng quy định tại Nghị quyết số 94/2019/QH14 và đảm bảo đầy đủ hồ sơ, đúng trình tự thủ tục xử lý nợ quy định tại Thông tư số 69/2020/TT-BTC.

Trường hợp số liệu tiền thuế nợ của NNT đã thực hiện xử lý nợ có sự thay đổi do NNT có khoản nộp vào Ngân sách nhà nước thì Cục Thuế thực hiện điều chỉnh số tiền thuế nợ đã xử lý đảm bảo theo dõi chính xác số tiền thuế nợ đã xử lý của từng NNT.

9. Về xử lý nợ đối với NNT đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự

Đối với NNT đã chết, bị Tòa án tuyên bố là đã chết/mất tích/mất năng lực hành vi dân sự: Cục Thuế thực hiện xử lý nợ của các cá nhân đã chết/mất tích/mất năng lực hành vi dân sự; nợ của các doanh nghiệp mà chủ doanh nghiệp đã chết/mất tích/mất năng lực hành vi dân sự không thực hiện xử lý theo quy định của Nghị quyết số 94/2019/QH14.

10. Về hủy khoan nợ, xóa nợ

Tại Điều 18 Thông tư số 69/2020/TT-BTC đã quy định các trường hợp hủy khoan nợ, xóa nợ. Theo đó, trường hợp NNT đã được khoan nợ, xóa nợ mà quay lại sản xuất, kinh doanh (trừ đối tượng được xóa nợ quy định tại khoản 6 và khoản 7 Điều 4 của Nghị quyết số 94/2019/QH14) thì Cục Thuế hủy khoan nợ, xóa nợ và thực hiện các biện pháp đôn đốc, cưỡng chế theo quy định để thu hồi tiền thuế nợ vào ngân sách nhà nước.

11. Về cập nhật quyết định khoan nợ trên hệ thống TMS

Theo quy định của Nghị quyết số 94/2019/QH14 và hướng dẫn tại Thông tư số 69/2020/TT-BTC thì việc xử lý khoan nợ, xóa nợ được thực hiện đối với NNT còn nợ phát sinh trước ngày 01/7/2020 mà không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước. Do đó, các khoản nợ phát sinh từ ngày 01/7/2020 trở đi không thuộc phạm vi xử lý của Nghị quyết số 94/2019/QH14 và không cập nhật được vào hệ thống TMS.

VĂN BẢN KHÁC

- ❖ Theo Công văn số 5594/BTC-CST ngày 01/06/2023 của BTC về việc xin ý kiến về dự thảo Thông tư quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ người dân và doanh nghiệp
- ❖ Theo Công văn số 2124/TCT-QLN ngày 30/05/2023 của BTC về việc triển khai các biện pháp thu hồi nợ đọng thuế của các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu.
- ❖ Theo Công văn số 2305/TCT-VP ngày 08/06/2023 của TCT về việc tăng cường phối hợp truyền thông về hoạt động của cơ quan thuế.